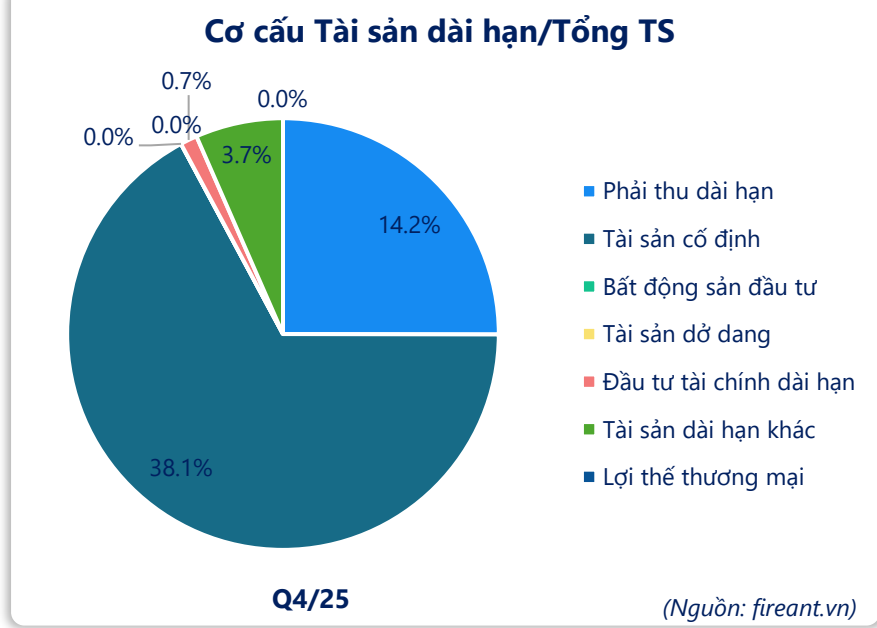
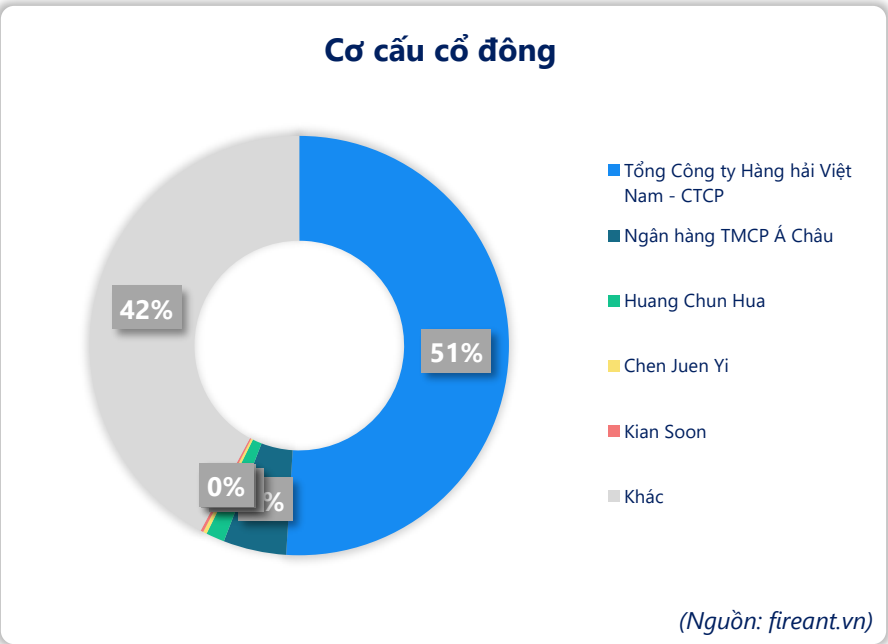
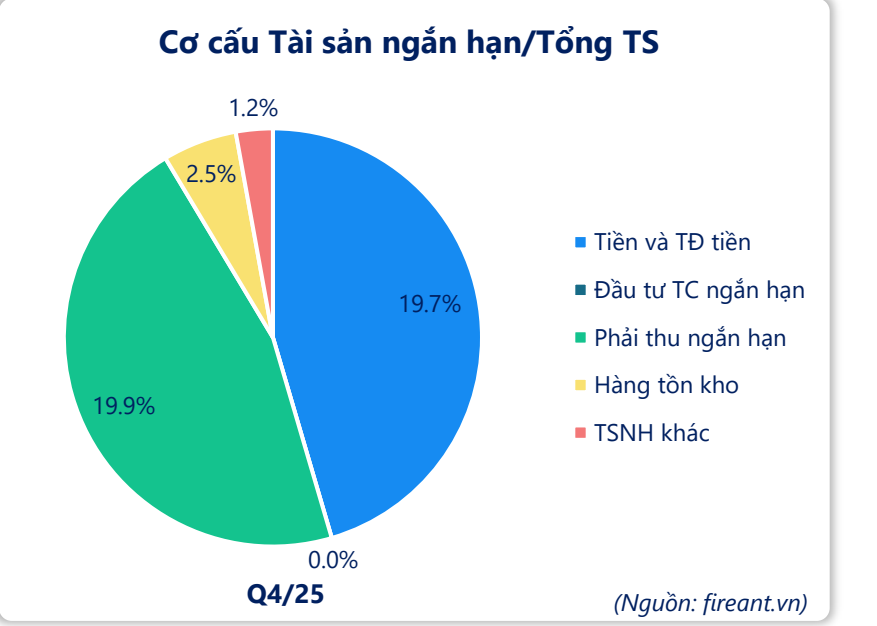
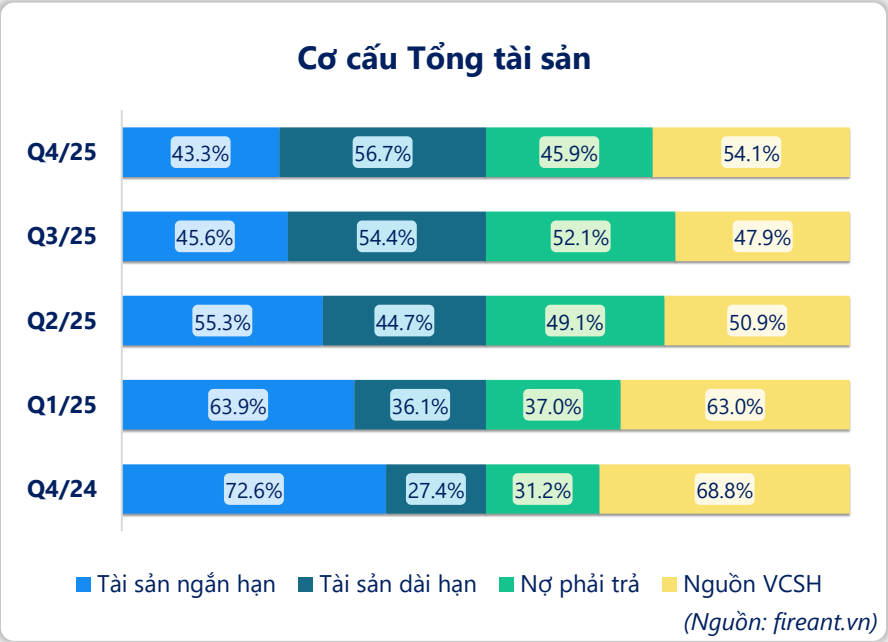
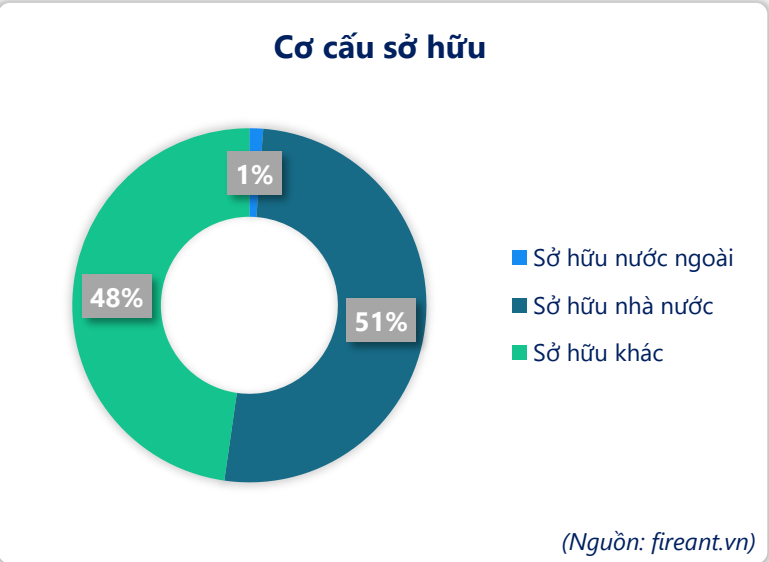
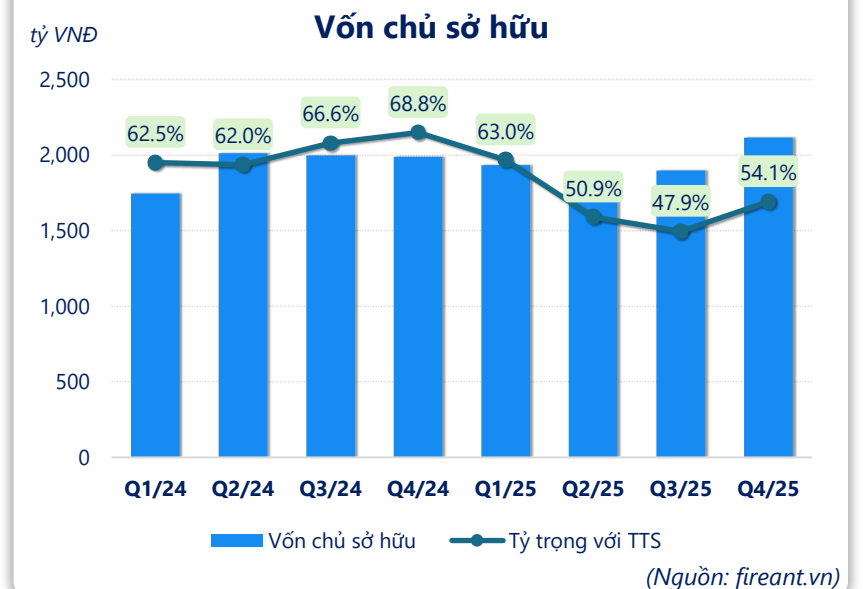
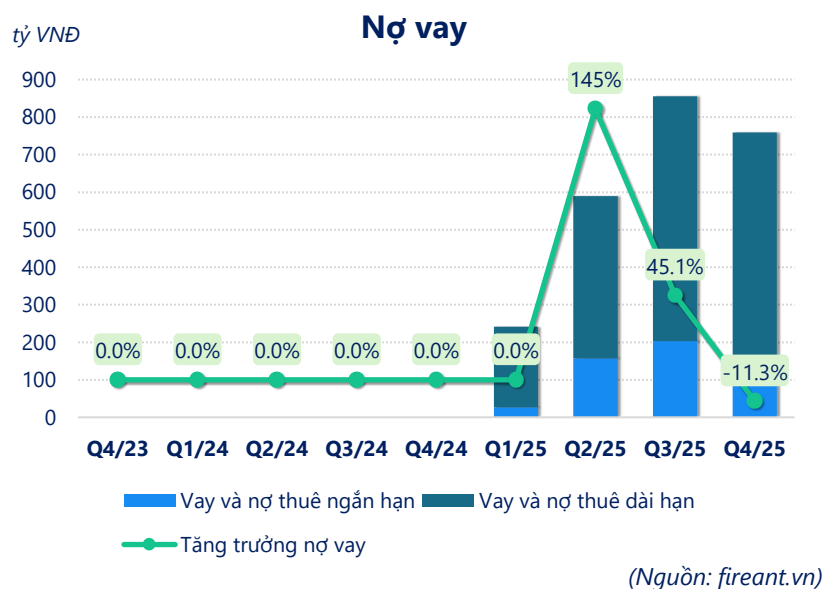
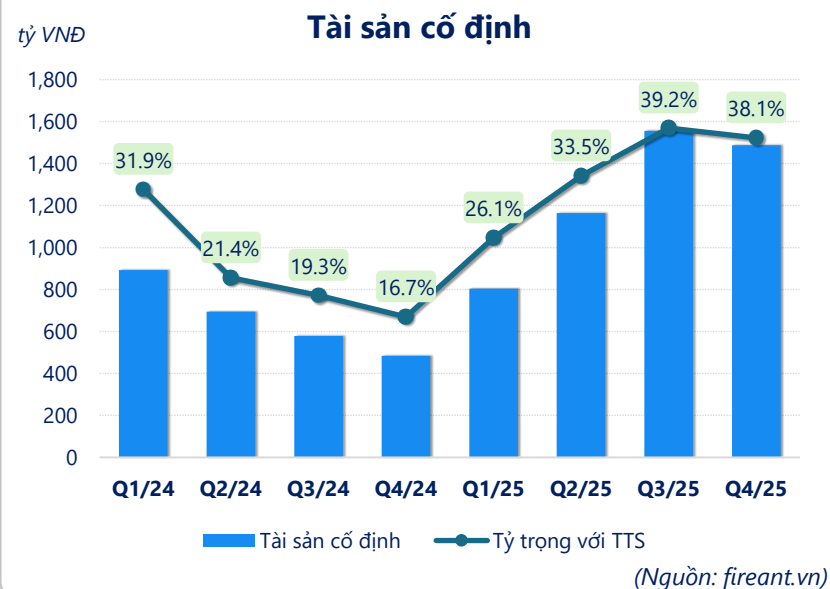
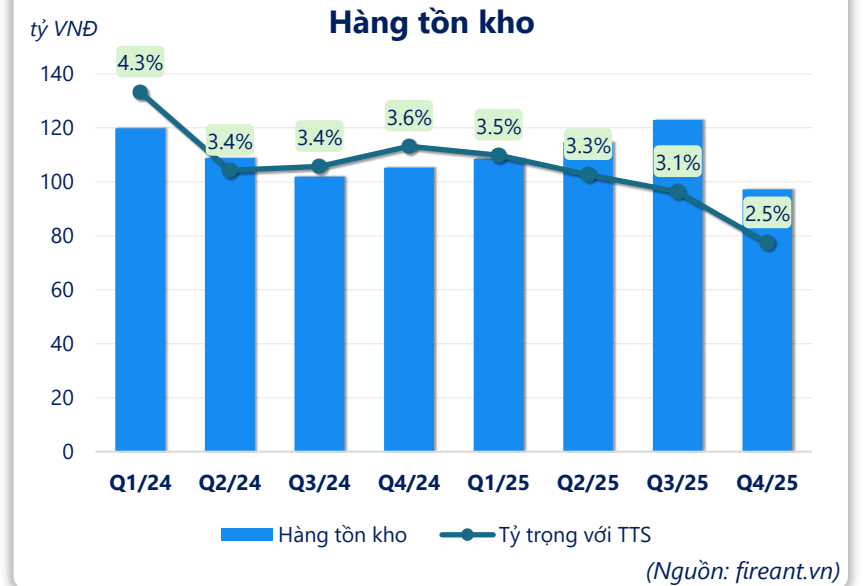
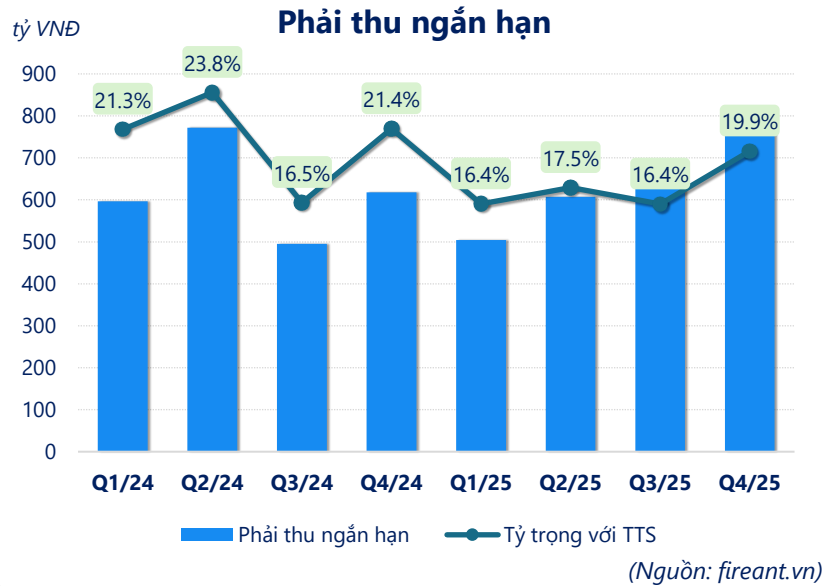
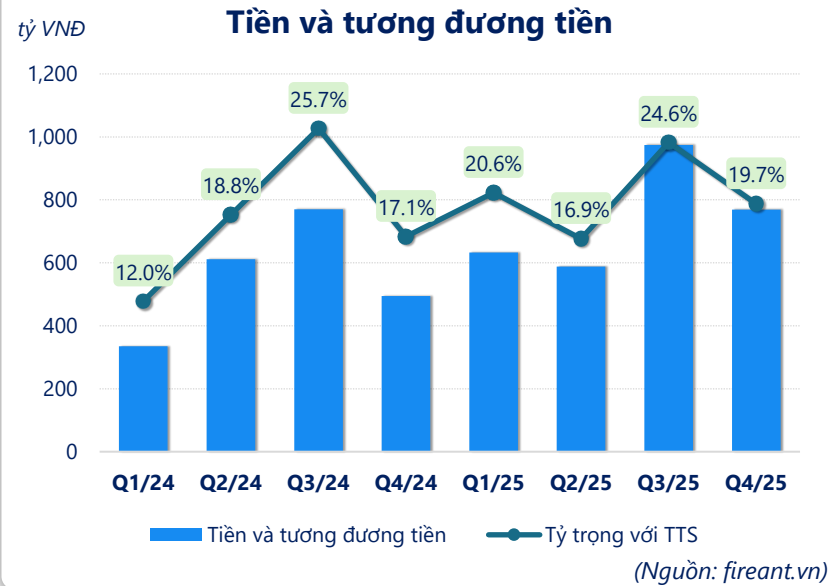
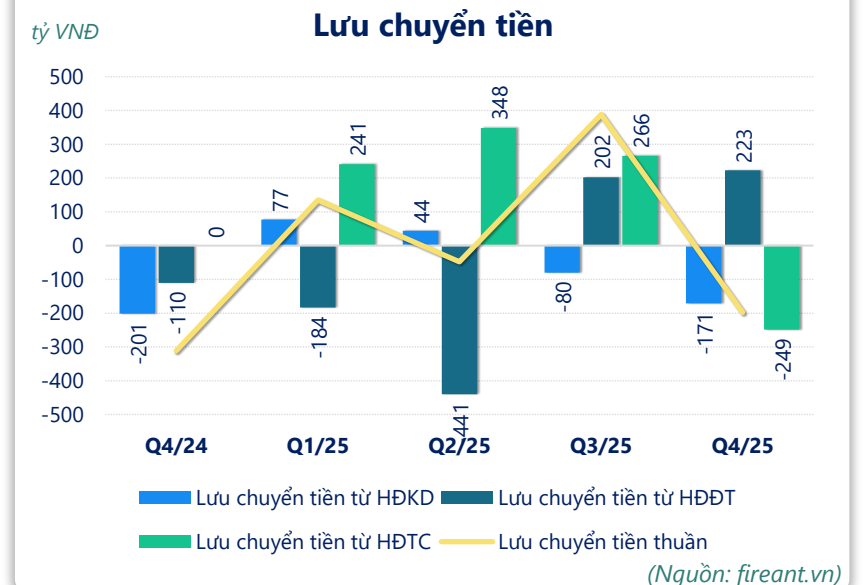
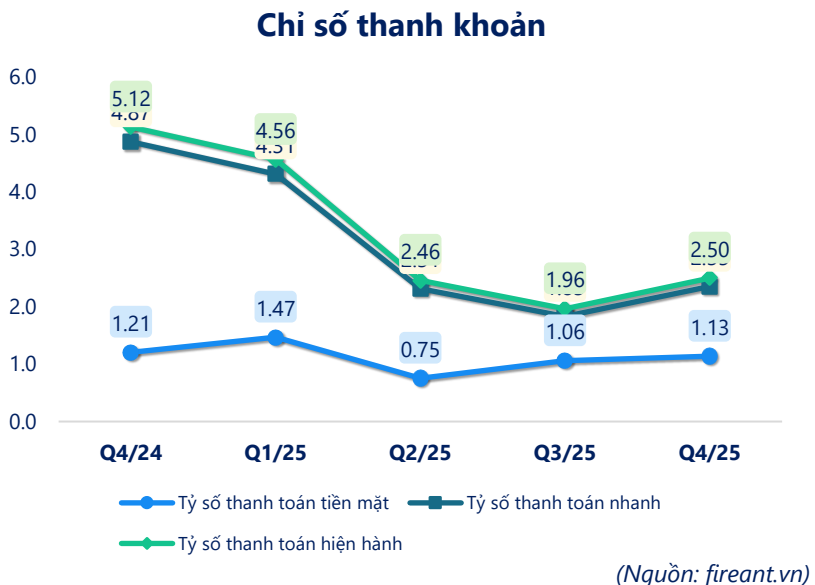
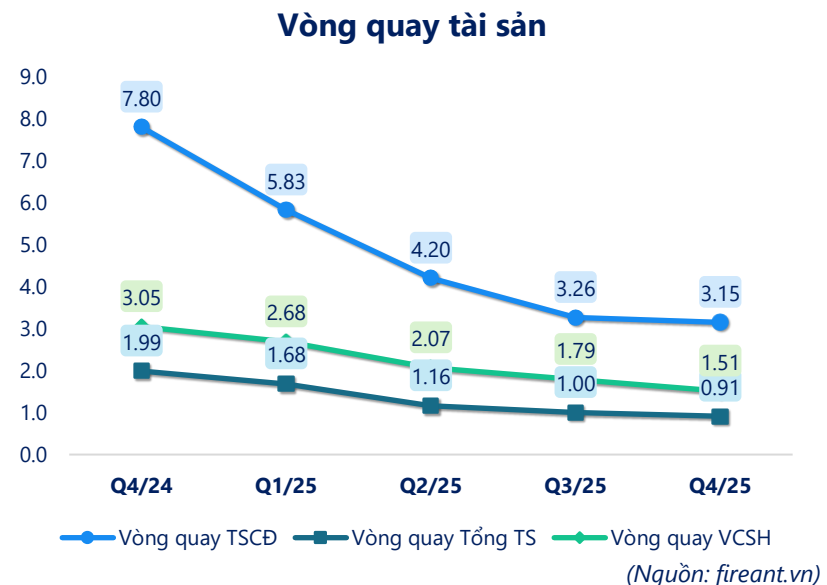
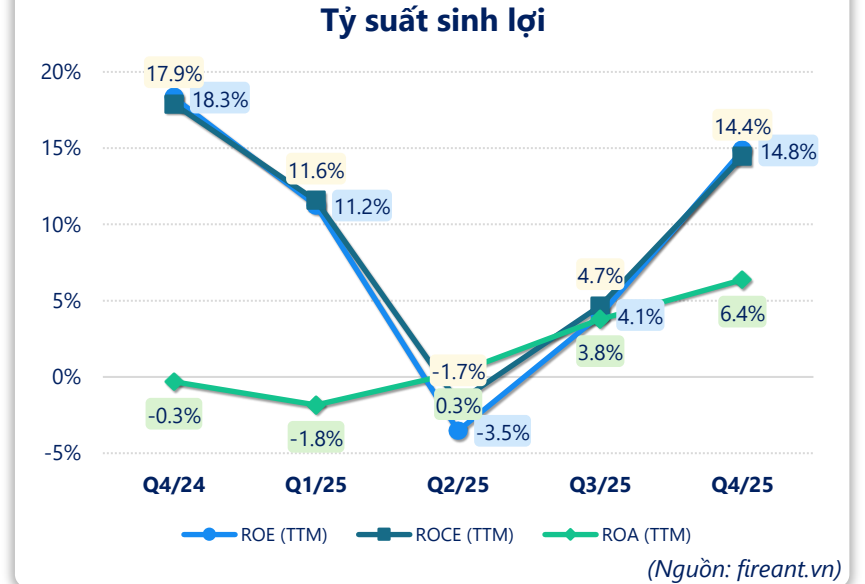
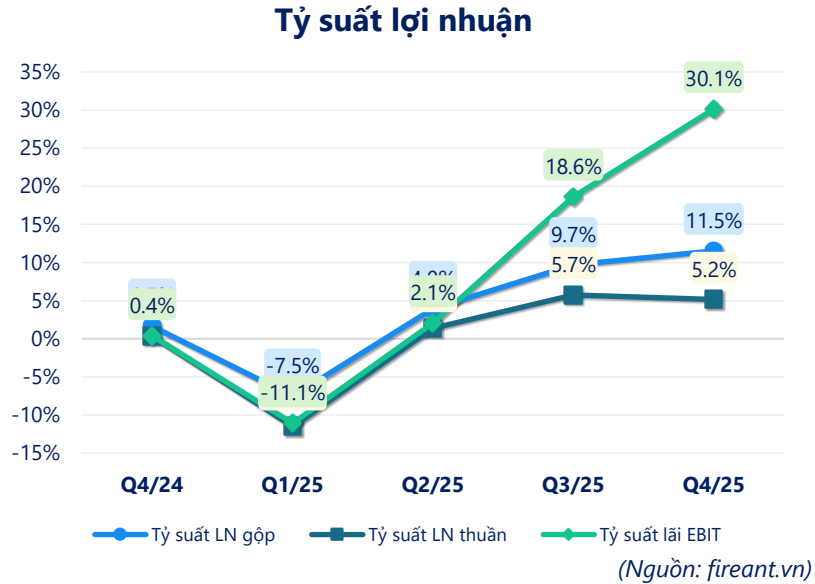
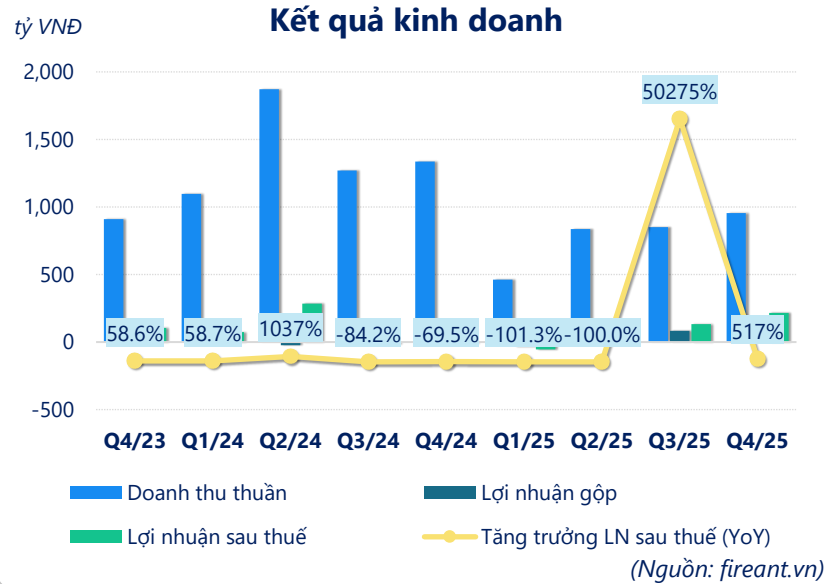


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,382
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,472
SL cổ phiếu LH		140,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,005,995
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,729
P/E		5.7
EPS		2,177

	YTD	1T	3T	6T
VOS	-24.6%	-9.5%	-7.8%	-11.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,907	2,891	35.1%
Tài sản ngắn hạn	1,692	2,099	-19.4%
Tiền và tương đương tiền	769	494	55.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	725	-100%
Phải thu ngắn hạn	777	618	25.8%
Hàng tồn kho	97.2	105	-7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	48.3	157	-69.2%
Tài sản dài hạn	2,215	792	180%
Phải thu dài hạn	554	168	230%
Tài sản cố định	1,487	484	207%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	28.1	26.9	4.4%
Tài sản dài hạn khác	145	113	28.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,792	902	98.6%
Nợ ngắn hạn	678	410	65.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	134	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	146	95.4	53.0%
Nợ dài hạn	1,114	493	126%
Vay và nợ thuê dài hạn	624	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,116	1,989	6.4%
Vốn chủ sở hữu	2,116	1,989	6.4%
Vốn điều lệ	1,400	1,400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,337	462	836	850	956
Giá vốn hàng bán	1,315	497	803	767	846
Lợi nhuận gộp	22.1	-34.8	33.1	82.5	110
Doanh thu HĐTC	36.4	14.4	20.8	13.2	5.08
Chi phí TC	1.45	6.28	8.45	11.2	15.2
Chi phí lãi vay	0	2.78	7.04	10.1	11.8
LN trong công ty LKLD	-0.44	0.47	0.74	1.19	0.16
Chi phí bán hàng	14.9	14.0	16.2	17.6	20.1
Chi phí QLDN	37.0	12.9	18.3	19.3	30.9
LN thuần từ HĐKD	4.81	-53.1	11.7	48.9	49.2
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.89	-1.40	99.4	227
LN trước thuế	4.80	-54.0	10.3	148	276
Lợi nhuận sau thuế	-9.00	-53.9	10.3	132	217
LNST của CĐ cty mẹ	-9.00	-53.9	10.3	132	217

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-201	77.4	44.3	-80.0	-171
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-110	-184	-441	202	223
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	241	348	266	-249
Tiền đầu kỳ	770	494	632	588	975
Lưu chuyển tiền thuần	-311	135	-47.9	388	-198
Ảnh hưởng tỷ giá	35.2	3.49	3.28	-1.44	-7.79
Tiền cuối kỳ	494	632	588	975	769

(Nguồn: fireant.vn)